

Số: 361/TB-HV

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-HV ngày 28/04/2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học chính quy;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 744/QĐ-HV ngày 21/05/2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông,

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025 như sau:

A. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

1. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Km10 Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển
I	NGÀNH, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ			
1	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	430	Toán, Lí, Hóa (mã A00) Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
2	7520207_AIoT	Trí tuệ nhân tạo vạn vật (AIoT) (ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông)	80	
3	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	110	
4	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	230	
5	7510301_MBD	Công nghệ vi mạch bán dẫn (ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	150	
6	7480201	Công nghệ thông tin	600	
7	7480202	An toàn thông tin	200	
8	7480107	Trí tuệ nhân tạo	150	
9	7480101	Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu)	150	

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển
10	7480102	Kỹ thuật dữ liệu (<i>ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu</i>)	120	
11	7320101	Báo chí	90	Toán, Lí, Hóa (mã A00) Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26) Toán, Văn, Anh (mã D01)
12	7320104	Truyền thông đa phương tiện	120	
13	7329001	Công nghệ đa phương tiện	260	
14	7340101	Quản trị kinh doanh	200	
15	7340101_LOG	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng (<i>ngành Quản trị kinh doanh</i>)	100	
16	7340122	Thương mại điện tử	170	
17	7340115	Marketing	240	
18	7340115_QHC	Quan hệ công chúng (<i>ngành Marketing</i>)	100	
19	7340301	Kế toán	180	
20	7340205	Công nghệ tài chính (<i>Fintech</i>)	150	
II CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẶC THÙ				
1	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	300	Toán, Lí, Hóa (mã A00) Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
2	7480202_CLC	An toàn thông tin	100	Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
3	7340301_CLC	Kế toán (<i>chuẩn quốc tế ACCA</i>)	60	Toán, Lí, Hóa (mã A00) Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26) Toán, Văn, Anh (mã D01)
4	7320104_CLC	Truyền thông đa phương tiện	90	
5	7340115_CLC	Marketing	120	
6	7329001_GAM	Thiết kế và phát triển Game (<i>ngành Công nghệ đa phương tiện</i>)	200	
7	7480201_VNH	Công nghệ thông tin Việt - Nhật	100	Toán, Lí, Hóa (mã A00) Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
8	7480201_UDU	Công nghệ thông tin (<i>Cử nhân định hướng ứng dụng</i>)	300	Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
III CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ				
1	7480201_LK	Công nghệ thông tin (Liên kết với đại học La Trobe, Australia)	15	Toán, Lí, Hóa (mã A00) Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
2	7340205_LK	Công nghệ tài chính (Liên kết đại học Huddersfield, Vương Quốc Anh)	15	Toán, Lí, Hóa (mã A00) Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26) Toán, Văn, Anh (mã D01)
3	7320104_LK	Truyền thông Đa phương tiện (Liên kết với đại học Công nghệ Queensland, Úc)	15	
4	7329001_LK	Công nghệ Đa phương tiện (Liên kết với đại học Canberra, Australia)	15	

2. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, phường Dakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển
I	NGÀNH, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ			
1	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	140	Toán, Lí, Hóa (mã A00); Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
2	7520208	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	100	
3	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	120	
4	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	120	
5	7480201	Công nghệ thông tin	230	
6	7480202	An toàn thông tin	120	
7	7329001	Công nghệ đa phương tiện	140	
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	80	
9	7340101	Quản trị kinh doanh	130	
10	7340115	Marketing	120	
11	7340301	Kế toán	120	
II	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẶC THÙ			
1	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	120	Toán, Lí, Hóa (mã A00); Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
2	7340115_CLC	Marketing	40	Toán, Lí, Hóa (mã A00); Toán, Lí, Anh (mã A01) Toán, Lí, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26) Toán, Văn, Anh (mã D01)

B. THÔNG TIN TUYỂN SINH:

1. Phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng **05 phương thức tuyển sinh** như sau:

1.1. Phương thức 1: Xét tuyển tài năng

Xét tuyển tài năng gồm có:

- (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (có thông báo chi tiết riêng).
- (2) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL): Đối với các thí sinh có Thành tích đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia (giải Khuyến khích), cấp Tỉnh/Thành phố trực

thuộc TW (Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích), thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển hoặc thí sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, hoặc là học sinh tại các trường THPT chuyên hoặc hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia (điều kiện cụ thể tại điểm 2.2 mục 2 về Đối tượng, điều kiện dự tuyển).

1.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT/ACT) (điều kiện cụ thể tại điểm 2.3 mục 2 về Đối tượng, điều kiện dự tuyển).

1.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL), đánh giá tư duy (ĐGTD) của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức (điều kiện cụ thể tại điểm 2.4 mục 2 về Đối tượng, điều kiện dự tuyển).

1.4. Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT (điều kiện cụ thể tại điểm 2.5 mục 2 về Đối tượng, điều kiện dự tuyển).

1.5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (điều kiện cụ thể tại điểm 2.6 mục 2 về Đối tượng, điều kiện dự tuyển).

2. Đối tượng tuyển sinh

2.1 Quy định chung:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam *hoặc* có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương *hoặc* đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

2.2. Đối với Phương thức 1 - Xét tuyển tài năng:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 2.1 thì thí sinh cần có thêm **một trong các điều kiện** như sau:

(1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: thí sinh đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (*có thông báo chi tiết riêng*).

(2) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL): thí sinh cần có thêm **một trong các điều kiện** sau đây:

a) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn Toán, Vật lý, Hóa học hoặc Tin học; Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thời gian tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

b) Thí sinh đoạt giải **Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đã **tham gia** kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đoạt giải **Nhất, Nhì, Ba, Khuyến**

khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học (ĐKXT vào tất cả các ngành/chương trình) *hoặc* môn Tiếng Anh (ĐKXT vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) *hoặc* môn Ngữ văn (ĐKXT vào ngành Báo chí hoặc ngành Truyền thông đa phương tiện) và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- c) Là **học sinh chuyên** của **trường THPT chuyên** trên phạm vi toàn quốc (*các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học*) *hoặc* **hệ chuyên** thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học (ĐKXT vào tất cả các ngành/chương trình) *hoặc* môn Tiếng Anh (ĐKXT vào các ngành/ chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) *hoặc* môn Ngữ văn (ĐKXT vào ngành Báo chí hoặc ngành Truyền thông đa phương tiện); **Và** có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

2.3. Đối với Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT/ACT):

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 2.1 thì thí sinh phải có **Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT từ 1130/1600** trở lên hoặc **ACT từ 25/36** trở lên, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày xét tuyển).

2.4. Đối với Phương thức 3 - Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) hoặc đánh giá tư duy (ĐGTD):

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 2.1 thì thí sinh cần có thêm **một trong các điều kiện** sau đây:

- a) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (APT) năm 2025 từ **600 điểm** trở lên;
- b) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2025 từ **15 điểm** trở lên;
- c) Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA) năm 2025 từ **50 điểm** trở lên.
- d) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) năm 2025 từ **75 điểm** trở lên;

Lưu ý:

1. Riêng đối với bài thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội thí sinh chọn:

- Phần 3 - Khoa học: Thí sinh bắt buộc chọn tổ hợp có 2 chủ đề Vật lí và Hóa học được ĐKXT vào tất cả các ngành/chương trình.
- Phần 3 - Tiếng Anh: Thí sinh được ĐKXT vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông.

2. Đối với bài thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thí sinh phải đăng ký thi các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện.

2.5. Đối với Phương thức 4 - Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 2.1 thì thí sinh cần có **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt **IELTS 5.5** trở lên *hoặc* **TOEFL iBT 65** trở lên *hoặc* **TOEFL ITP 513** trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

Lưu ý: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông **không chấp nhận** Chứng chỉ đánh giá năng lực tiếng Anh **TOEFL iBT** với **Test Center** theo hình thức **Home Edition** để sử dụng tham gia xét tuyển vào đại học chính quy

2.6. Đối với Phương thức 5 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 2.1 thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành/chương trình của Học viện.

3. Phạm vi tuyển sinh (địa lý): Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước và quốc tế (*thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó – BVH hoặc BVS*).

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Đối với phương thức 5, Học viện công bố điểm ngưỡng đầu vào sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các phương thức 1, 2, 3, 4 ngưỡng đầu vào là điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng phương thức được quy định tại mục B.2 về Đối tượng tuyển sinh.

5. Quy đổi tương đương ngưỡng điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Học viện công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GD&ĐT. Thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

6. Chính sách ưu tiên

a) Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Thông báo của Học viện, không giới hạn số lượng chỉ tiêu (có Thông báo riêng);

b) Chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
Cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2_NT) là 0,5 điểm, khu vực 2(KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (áp dụng theo thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}^{(*)})/7,5] \times \text{Điểm ưu tiên theo QC (nếu có)}$$

(*) Tổng điểm đạt được là điểm bài thi hoặc tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm cộng (nếu có) tương ứng với từng phương thức xét tuyển. Nếu tổng điểm đạt được vượt quá thang điểm xét thì sẽ được quy về điểm tối đa của thang điểm xét.

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương theo thang điểm xét tuyển.

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp (thí sinh tốt nghiệp năm 2024 và năm 2025).

7. Chính sách học bổng

- **Học bổng đặc biệt:** năm 2025, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa 30 suất học bổng đặc biệt, giá trị mỗi suất học bổng tới 500 triệu đồng (gồm: học phí trong toàn thời gian học, chi phí ăn ở, kinh phí nghiên cứu khoa học, thực tập ở nước ngoài, kinh phí hỗ trợ từ doanh nghiệp đối tác và các hỗ trợ khác).

Đối tượng xét cấp học bổng đặc biệt là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lí và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 29,0 điểm trở lên. Người được nhận học bổng đặc biệt phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.

- **Học bổng toàn phần:** năm 2025, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa 50 suất học bổng toàn phần với giá trị học bổng tới 250 triệu đồng (tương đương học phí toàn khóa học của chương trình chất lượng cao) cho các thí sinh đoạt giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Vật lí và Tin học. Người được nhận học bổng toàn phần phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.
- **Học bổng miễn 100%** học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 100 suất cho đối tượng là các thí sinh đoạt trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Vật lí, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- **Học bổng miễn 50%** học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 300 suất cho đối tượng là các thí sinh đoạt trong kỳ thi học sinh giỏi hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các xuất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như Samsung (Hàn Quốc), Cowell Asia (Nhật Bản), Tập đoàn Điện lực Nhật Bản Yokogawa (Nhật Bản), Đại học Sydney (Úc), TEMIX (Itay), Bosch ...

Ghi chú: Thí sinh chỉ được xét và cấp một Loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên; xét cấp học bổng thực hiện xét từ trên xuống cho đến hết số suất học bổng.

C. CÁCH TÍNH ĐIỂM XÉT TUYỂN CỦA CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN (Điểm xét tuyển chưa quy đổi tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Phương thức Xét tuyển tài năng: Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL)

- Điểm HSNL = Điểm học lực + Điểm thành tích + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

- Điểm HSNL được quy đổi theo thang điểm 100;
 - Điểm học lực chiếm 60% (tối đa 60 điểm);
 - Điểm thành tích chiếm 40% (tối đa 40 điểm);
 - Điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được quy đổi theo thang điểm 100 tương ứng.
- **Điểm học lực (ĐHL)** được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đã đăng ký xét tuyển, cụ thể:

$$DHL = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] * 6/3$$

với Điểm BQ môn = $[\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}]/3$

- **Điểm thành tích** được xác định cụ thể như sau:

TT	Thành tích	Điểm thành tích	Ghi chú
1.	Thành tích tại kỳ thi HSG		
1.1	Giải Khuyến khích Quốc gia; Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế	40	
1.2	Giải Nhất cấp Tỉnh/Thành phố TW	35	
1.3	Giải Nhì cấp Tỉnh/Thành phố TW	30	
1.4	Giải Ba cấp Tỉnh/Thành phố TW	25	
1.5	Giải Khuyến khích cấp Tỉnh/Thành phố TW	20	
2.	Học sinh chuyên (không có giải), Thí sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	25	

Ghi chú: Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.

2. Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT/ACT)

Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm SAT/ACT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

3. Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm ĐGNL/ ĐGTD + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

4. Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT

- Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có);

$$\text{ĐXT} = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}.$$

Trong đó:

$$\text{Điểm BQ môn} = [\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}]/3$$

- Thí sinh được phép quy đổi điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển khi có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Cụ thể:

TT	IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Điểm quy đổi (*)
1	7.0 – 9.0	Từ 90 điểm trở lên	Từ 590 điểm trở lên	10 điểm
2	6.5	79 – 89	561 – 589	9,5 điểm
3	6.0	72 – 78	543 – 560	9,0 điểm
4	5.5	61 – 71	500 – 542	8,5 điểm

- (*): Chỉ quy đổi điểm môn tiếng Anh trong Điểm xét tuyển (điểm xét tuyển cuối cùng), không quy đổi điểm môn tiếng Anh của từng năm học

5. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

$$\text{ĐXT} = \text{M1} + \text{M2} + \text{M3} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Trong đó: M1, M2, M3 là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT của 03 bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành của Học viện.

D. ĐIỂM CỘNG

Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải: Áp dụng đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế, Phương thức xét tuyển kết hợp giữa Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả học tập ở bậc THPT và Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi ĐGNL, ĐGTD

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học (ĐKXT vào tất cả các ngành/chương trình) hoặc môn Tiếng Anh (ĐKXT vào các

ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) hoặc môn Ngữ văn (ĐKXT vào ngành Báo chí hoặc ngành Truyền thông đa phương tiện) được cộng Điểm thưởng theo thành tích giải đạt được vào Điểm xét tuyển. Cụ thể:

TT	Loại Giải đạt được	Điểm cộng
1	Giải Khuyến khích cấp Quốc gia, Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế	Được cộng 3,0 (ba) điểm
2	Giải Nhất cấp Tỉnh/Thành phố TW	Được cộng 2,5 (hai phẩy năm) điểm
3	Giải Nhì cấp Tỉnh/Thành phố TW	Được cộng 2,0 (hai) điểm
4	Giải Ba cấp Tỉnh/Thành phố TW	Được cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
5	Giải Khuyến khích cấp Tỉnh/Thành phố TW	Được cộng 1,0 (một) điểm

Lưu ý:

- Thí sinh đoạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đoạt được.
- Điểm cộng sẽ được quy đổi theo thang điểm tương ứng của từng Phương thức tuyển sinh và đảm bảo không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét.

E. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN XÉT TUYỂN TRÊN HỆ THỐNG XÉT TUYỂN CỦA HỌC VIỆN

1. **Đối tượng:** Các thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2025 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông với các Phương thức:

- (1) Phương thức 1: Xét tuyển tài năng: Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL);
- (2) Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế;
- (3) Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp giữa Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả học tập ở bậc THPT;
- (4) Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy.

2. **Nội dung thực hiện:** Để phục vụ công tác xét tuyển năm 2025, các thí sinh đăng ký tài khoản sử dụng của hệ thống, khai báo các thông tin cá nhân, kết quả và thành tích học tập (*kèm minh chứng*), thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển (**tối đa 5 nguyện vọng**) và khóa, nộp hồ sơ xét tuyển trên hệ thống (*có hướng dẫn chi tiết riêng*).

Lưu ý: Thí sinh sau khi đăng ký thông tin xét tuyển trên hệ thống xét tuyển của Học viện vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung (Mục G).

3. **Địa chỉ đăng nhập Hệ thống:** <https://xettuyen.ptit.edu.vn>.

4. **Thời gian:** Từ ngày 09/6/2025 đến ngày 30/6/2025

5. Lệ phí xét duyệt hồ sơ: 100.000/hồ sơ

6. Danh mục minh chứng

6.1. Đối với Phương thức Xét tuyển tài năng: Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL)

a) Bản chụp Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* Giấy xác nhận đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

b) *Hoặc* Giấy xác nhận là học sinh chuyên các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ văn của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) *hoặc* hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia (nếu học bạ THPT không ghi hệ chuyên).

c) Bản chụp Học bạ THPT, trong trường hợp thí sinh chưa xin được học bạ THPT thì có thể thay thế bằng bản xác nhận kết quả học tập các môn học năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 có ký và đóng dấu của trường THPT;

d) Bản chụp Căn cước công dân;

e) Bản chụp các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có).

6.2. Đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT/ACT)

a) Bản chụp Chứng chỉ quốc tế SAT *hoặc* ACT còn trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển);

b) Bản chụp Học bạ THPT, trong trường hợp thí sinh chưa xin được học bạ THPT thì có thể thay thế bằng bản xác nhận kết quả học tập các môn học năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 có ký và đóng dấu của trường THPT;

c) Bản chụp Căn cước công dân;

d) Bản chụp các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có).

6.3. Đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy

a) Bản chụp Giấy báo điểm/kết quả thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy.

b) Bản chụp Căn cước công dân;

c) Bản chụp các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có);

6.4. Đối với Phương thức xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT

a) Bản chụp Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển);

b) Bản sao hợp lệ Học bạ THPT, trong trường hợp thí sinh chưa xin được học bạ THPT thì có thể thay thế bằng bản xác nhận kết quả học tập các môn học năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 có ký và đóng dấu của trường THPT;

- c) Bản chụp Căn cước công dân;
- d) Bản chụp các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có).

G. ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN TRÊN HỆ THỐNG CỦA BỘ GD&ĐT

Bước 1: Đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT trực tiếp tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày **16/7 đến 17h00 ngày 28/07/2025**. Thí sinh đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng và các nguyện vọng được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh đăng ký nguyện vọng gồm các thông tin: *Thứ tự nguyện vọng; Mã trường; Tên trường; Mã ngành; Tên ngành/ chương trình*.

Bước 2: Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT từ ngày **29/7/2025 đến 17h00 ngày 05/8/2025**.

Bước 3: Xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT từ ngày **22/8 đến 17h00 ngày 30/8/2025**.

H. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- Học viện xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GD&ĐT sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025;
- Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng quy đổi của phương thức xét tuyển mới đủ điều kiện xét tuyển;
- Đối với một ngành/chương trình tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;
- Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng (*không có điểm chênh lệch giữa các nguyện vọng trong cùng một ngành/ chương trình*), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp;
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Học viện *không sử dụng tiêu chí phụ riêng* để xét tuyển;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học;
- Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

I. KÊNH THÔNG TIN HỖ TRỢ THÍ SINH

Thông tin chi tiết về tuyển sinh và các chương trình đào tạo thí sinh có thể xem và tham khảo tại Cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin tuyển sinh, Cổng thông tin đào tạo của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tại các địa chỉ:

a) Địa chỉ các trang thông tin điện tử của Học viện:

Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH): <https://ptit.edu.vn> và <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS): <https://ptithcm.edu.vn>

b) Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH): (024) 33528122, (024) 33512252

Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS): (028) 38297220

c) Trang tư vấn trực tuyến: Inbox trên trang Fanpage tuyển sinh hoặc trên cổng thông tin tuyển sinh

d/ Fanpage: <https://facebook.com/ptittuyensinh>; <https://facebook.com/ptithcm.edu.vn>

e) Zalo: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (ID 1260203497642986925)

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Cơ sở đào tạo Phía Bắc (mã trường BVH):

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Km10 (96A), đường Nguyễn Trãi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 33512252

Cơ sở đào tạo Phía Nam (mã trường BVS):

Học viện Công nghệ BCVT - Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38297220

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Tập thể LDHV (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc, các Phòng chức năng, các Trung tâm;
- Cơ sở Học viện tại Tp. HCM;
- Cổng thông tin điện tử, cổng thông tin tuyển sinh;
- Các cơ quan Báo chí;
- Lưu VT, ĐT(6).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Quang Anh